HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ AN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26 /NQ-HĐND	*An Biên, ngày 14 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn xã An Biên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ AN BIÊN
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã An Biên về dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn xã An Biên;

Xét Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã An Biên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn xã An Biên; Báo cáo thẩm tra số 49/BC-BKTNS ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn xã An Biên, với những nội dung như sau:

Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh, bổ sung là 84.136 triệu đồng (tăng 32.143 triệu đồng so với Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã An Biên), cụ thể:

1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030 nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương và nguồn thu xổ số kiến thiết là 82.143 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 30.383 triệu đồng, phân bổ cho 08 dự án (01 dự án chuyển tiếp và 07 dự án khởi công mới) giai đoạn 2026 - 2030, bao gồm: phân bổ vốn cho 04 dự án thuộc lĩnh vực giao thông là 15.381 triệu đồng; 02 dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo là 8.502 triệu đồng (trong đó chuyển tiếp 01 dự án giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030

là 2.100 triệu đồng và 01 dự án khởi công mới là 6.402 triệu đồng); 01 dự án thuộc lĩnh vực Quân sự là 5.000 triệu đồng và 01 dự án thuộc lĩnh vực ý tế là 1.500 triệu đồng.

- Nguồn thu xổ số kiến thiết là 51.760 triệu đồng, phân bổ cho 10 dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030, bao gồm: phân bổ vốn cho 05 dự án thuộc lĩnh vực giao thông là 26.960 triệu đồng; 03 dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo là 21.098 triệu đồng và 02 dự án thuộc lĩnh vực văn hoá thể thao là 3.702 triệu đồng.

2. Phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn thu sử dụng đất là: 1.993 triệu đồng cho 01 dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc lĩnh vực giao thông.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

3. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND, ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã An Biên về dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn xã An Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã An Biên khóa II, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D XÃ AN BIÊN T. AN GIANG

Trang Minh Tú

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ AN BIÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2026 của HĐND xã An Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm mở tài khoản của dự án (nếu có)	Địa điểm thực hiện dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/Đơn vị quản lý vốn	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh (nếu có)					Dự án Nhóm, A, B, C	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)					Năm đầu tiên bố trí kế hoạch vốn thực hiện dự án	Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025*			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 09/3/2026)				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh				Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Vốn khác	Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Vốn khác					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Vốn khác								Đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					Đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*35*
	TỔNG SỐ						**93.844**	**90.544**	**3.300**					**28.145**	**24.845**	**3.300**		**3.500**	**2.900**	**600**	**3.500**	**2.900**	**600**	**51.993**	**35.000**	**1.993**	**15.000**	**44.891**	**-12.748**	**84.136**	**30.383**	**1.993**	**51.760**	
A	**DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP GIAI ĐOẠN 2026-2030**						**8.300**	**5.000**	**3.300**					**8.300**	**5.000**	**3.300**		**3.500**	**2.900**	**600**	**3.500**	**2.900**	**600**	-	-	-	-	**2.100**	-	**2.100**	**2.100**	-	-	
I	**Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo**						**8.300**	**5.000**	**3.300**					**8.300**	**5.000**	**3.300**		**3.500**	**2.900**	**600**	**3.500**	**2.900**	**600**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2.100**	**0**	**2.100**	**2.100**	**0**	**0**	
1	Trường TH Thị trấn Thứ Ba 2 (2024) 10p	Ấp 3 (Ấp Thứ Hai)	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2024-2026	32/NQ-HĐND 28/7/2020	8.300	5.000	3.300	C	XDM	2024-2027	727/QĐ-UBND 06/11/2024	8.300	5.000	3.300	Năm 2024	3.500	2.900	600	3.500	2.900	600	-				2.100		2.100	2.100			Bổ trí chuyển tiếp
B	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030**						**85.544**	**85.544**	-					**19.845**	**19.845**	-		-	-	-	-	-	-	**51.993**	**35.000**	**1.993**	**15.000**	**42.791**	**-12.748**	**82.036**	**28.283**	**1.993**	**51.760**	
I	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG**						**58.144**	**58.144**	-					**9.143**	**9.143**	-		-	-	-	-	-	-	**21.593**	**18.600**	**1.993**	**1.000**	**30.191**	**-7.450**	**44.334**	**15.381**	**1.993**	**26.960**	
1	Cầu kênh Kiểm 2	Ấp Rọc Năng cũ (Xẻo Xu)	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2026-2027	27/NQ-HĐND 31/12/2025	1.000	1.000		C	XDM	2026-2027	677/QĐ-UBND 10/3/2026	1.700	1.700		Năm 2026	-						1.000			1.000	700		1.700			1.700	Điều chỉnh tăng vốn, tăng mức đầu tư (thay đổi thiết kế, giá vật tư tăng)
2	Đường Lung Xẻo Đước (Bia tưởng niệm - cầu Cái Nước)	Ấp XD + CNN (Ấp CN + DY)	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2026-2027	27/NQ-HĐND 31/12/2025	11.000	11.000		C	XDM đường 3,5m x 2.712m	2026-2027	676/QĐ-UBND 10/3/2026	5.450	5.450		Năm 2026	-						11.000	11.000				-5.550	5.450	5.450			Điều chỉnh giảm vốn, giảm mức đầu tư (thay đổi quy mô, thiết kế)
3	Nâng cấp, mở rộng đường tránh ấp 4 (đốc cầu treo - giáp ngã ba đường dẫn cầu vượt Thứ Ba)	Ấp 4 cũ (Ấp 1)	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2026-2027	27/NQ-HĐND 31/12/2025	1.993	1.993		C	NCMR đường 900m	2026-2027	675/QĐ-UBND 10/3/2026	1.993	1.993		Năm 2026	-						1.993		1.993				1.993		1.993		
4	Đường kênh Quảng Di	Ấp DY + CN	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2026-2028		10.000	10.000		C	Sửa chữa, NCMR đường 4.359	2026-2028		-				-			-			-				10.000		10.000			10.000	Bổ trí mới
5	Đường kênh Đồng Nai (kênh Thứ 2 - kênh Bàu Mốc)	Ấp Bàu Mốc	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2026-2028		5.920	5.920		C	XDM đường 3,5m x 2.235m	2026-2028		-				-			-			-				5.920		5.920	5.920			Bổ trí mới
6	Cầu ngang Trường TH Đông Yên (Cầu ngang Trường TH Đông Yên 3 cũ)	Ấp Cái Nước	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2027-2029	02/NQ-HĐND 09/3/2026	1.200	1.200		C	XDM	2027-2029		-				-			-			1.200	1.200				-1.200	-				Điều chỉnh giảm dự án, giảm vốn (chuyển sang nguồn vốn đóng tài trợ)
7	Đường kênh 7000 bờ đông (Đoạn nhà 9 Đông - cầu Đồng Đen)	Ấp Lô 3 + Lô 15	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2027-2029		9.500	9.500		C	XDM đường 3,5m x 3.650m	2027-2029		-				-			-			-				9.500		9.500			9.500	Bổ trí mới
8	Đường Kênh Ráng (Nguyễn Bình Khiêm - Đường Cây Xoài)	Ấp Thứ Hai	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2027-2029		2.600	2.600		C	XDM đường 3,5m x 860m + 01 Cầu trên tuyến	2027-2029		-				-			-			-				2.600		2.600			2.600	Bổ trí mới
9	Đường Lê Văn Duyệt (Trụ sở ấp 1 - kênh Thầy Cai)	Ấp 1	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2028-2029	02/NQ-HĐND 09/3/2026	3.100	3.100		C	XDM đường 3,5m x 1.304m	2028-2029		-				-			-			3.100	3.100			380		3.480	3.480			Điều chỉnh tăng vốn, tăng mức đầu tư (giá vật tư tăng)
10	Cầu ngang kênh Thầy Cai (giáp xã Nam Thái cũ)	Ấp 1	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2028-2029	02/NQ-HĐND 09/3/2026	700	700		C	XDM	2028-2029		-				-			-			700	700				-700	-				Điều chỉnh giảm dự án, giảm vốn (thay đổi địa điểm xây dựng, tính lại giá dự toán)
11	Đường dọc song song Xẻo Rô (Cầu vượt Thứ 3 - Cầu Thầy Cai giáp xã Tây Yên)	Ấp 1	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2028-2029	02/NQ-HĐND 09/3/2026	2.600	2.600		C	XDM đường 3,5m x 1.260m	2028-2029		-				-			-			2.600	2.600			560		3.160			3.160	Điều chỉnh tăng vốn, tăng mức đầu tư (giá vật tư tăng)
12	Cầu ngang kênh Bàu Láng (giáp xã Đông Thái)	Ấp 1	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2028-2029		531	531		C	XDM	2028-2029		-				-			-			-				531		531	531			Bổ trí mới
II	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO**						**23.400**	**23.400**	-					**7.500**	**7.500**	-		-	-	-	-	-	-	**23.400**	**12.900**	-	**10.500**	**6.600**	**-2.500**	**27.500**	**6.402**	-	**21.098**	
1	Trường TH Thứ Ba (Trường TH Thứ Ba 1 cũ)	Ấp 3 cũ (Ấp Thứ Ba)	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2026-2027	27/NQ-HĐND 31/12/2025	7.500	7.500		C	XDM 10 phòng	2026-2027	678/QĐ-UBND 10/3/2026	7.500	7.500		Năm 2026	-			-			7.500	7.500					7.500	6.402		1.098	Điều chỉnh tăng vốn XSKT, giảm vốn NSĐP
2	Trường TH Hưng Yên (Trường TH Hưng Yên 2 cũ điểm lẻ)	Ấp Lô 3	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2026-2028	27/NQ-HĐND 31/12/2025	6.600	6.600		C	3LMB + XDM 06 phòng + nhà WC + SN + HR + RTN + thiết bị	2026-2028		-				-			-			6.600			6.600	4.400		11.000			11.000	Điều chỉnh tăng vốn, tăng mức đầu tư (điều chỉnh quy mô, thiết kế, giá vật tư tăng)
3	Trường THCS Thứ Ba (THCS Thứ Ba 2 cũ)	Ấp 4 cũ (Ấp 1)	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2027-2029	02/NQ-HĐND 09/3/2026	6.800	6.800		C	XDM 08 phòng học + phòng họp + thiết bị	2027-2029		-				-			-			6.800	2.900		3.900	2.200		9.000			9.000	Điều chỉnh tăng vốn, tăng mức đầu tư (điều chỉnh quy mô thiết kế, giá vật tư tăng)
4	Trường Mầm non Thứ Ba (Trường Mầm non Hưng Yên cũ điểm chính)	Ấp Xẻo Rô	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2027-2029	02/NQ-HĐND 09/3/2026	2.500	2.500		C	XDM 03 phòng + thiết bị	2027-2029		-				-			-			2.500	2.500				-2.500	-				Điều chỉnh giảm dự án, giảm vốn (công tác sắp xếp cơ sở hoạt động sự nghiệp)
III	**BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ XÃ**						**5.000**	**5.000**	-					-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**5.000**	-	**5.000**	**5.000**	-	-	
1	Xây dựng mới hàng rào (BCHQS)	Ấp Bàu Mốc	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2026-2028		5.000	5.000		C	XDM	2026-2028		-				-			-			-				5.000		5.000	5.000			Bổ trí mới
IV	**LĨNH VỰC Y TẾ**						**3.000**	**3.000**	-					**1.500**	**1.500**	-		-	-	-	-	-	-	**3.000**	**1.500**	-	**1.500**	-	**-1.500**	**1.500**	**1.500**	-	-	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trạm Y tế xã và các điểm trạm (Hưng Yên, Thị Trấn Thứ 3 cũ)	Ấp XD2 + Ấp 2 + XR cũ (Ấp XR + DY + TB)	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2026-2027	27/NQ-HĐND 31/12/2025	1.500	1.500		C	CTSC	2026-2027	679/QĐ-UBND 10/3/2026	1.500	1.500		Năm 2026	-			-			1.500	1.500					1.500	1.500			
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trạm Y tế của xã , trang bị Trang thiết bị y tế	Ấp Đông Yên	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2027-2029	02/NQ-HĐND 09/3/2026	1.500	1.500		C	CTSC + Thiết bị	2027-2029		-				-			-			1.500			1.500		-1.500	-				Điều chỉnh giảm dự án, giảm vốn (Công hợp vào nhu cầu chung của Sở Y tế)
V	**VĂN HÓA, THỂ THAO**						**4.000**	**4.000**	-					**1.702**	**1.702**	-		-	-	-	-	-	-	**4.000**	**2.000**	-	**2.000**	**1.000**	**-1.298**	**3.702**	-	-	**3.702**	
1	Tu bổ nơi ghi dấu chiến công Bia Tưởng niệm Liệt sĩ (Cây Công)	Ấp Xẻo Đước cũ (Ấp DY)	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2026-2027	27/NQ-HĐND 31/12/2025	2.000	2.000		C	CTSC	2026-2027	680/QĐ-UBND 10/3/2026	1.702	1.702		Năm 2026	-			-			2.000			2.000		-298	1.702			1.702	Điều chỉnh giảm vốn, giảm mức đầu tư (giảm khối lượng, tận dụng hiện trạng hạ tầng hiện có)
2	Cải tạo, sửa chữa di tích chiến thắng Xẻo Rô, bia chiến công Bàu Mốc.	Ấp Xẻo Rô + Xẻo Xu	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2027-2029	02/NQ-HĐND 09/3/2026	1.000	1.000		C	CTSC	2027-2029		-				-			-			1.000	1.000			1.000		2.000			2.000	Điều chỉnh tăng vốn, tăng mức đầu tư (điều chỉnh, quy mô thiết kế, giá vật tư tăng...)
3	Nâng cấp, sửa chữa Bia Chiến Thắng Tiểu đoàn 519 tiêu diệt Tiểu đoàn Thân Hổ tại Đường Chòi	Ấp Ngã Cay	KBNN khu vực XX-PGD số 01	Phòng Kinh tế	2027-2029	02/NQ-HĐND 09/3/2026	1.000	1.000		C	CTSC	2027-2029		-				-			-			1.000	1.000				-1.000	-				Điều chỉnh giảm dự án, giảm vốn (Di tích chưa được tỉnh công nhận, điều chỉnh sang dự án khác có đủ điều kiện thủ tục đầu tư)